

Số: 160/2019/QĐST-HNGĐ

Thái Thụy, ngày 06 tháng 09 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

-Căn cứ vào Điều 397; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
-Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình;
-Căn cứ vào Điều 143 Luật Đất đai.
-Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
-Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

-Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 228/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 08 năm 2019 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, yêu cầu công nhận thỏa thuận nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1). Ông Đỗ Văn U1, sinh ngày 14- 07- 1965; Nơi cư trú: Thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình.

2). Bà Lê Thị N1, sinh ngày 02- 09- 1968; Nơi cư trú: Thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông U1 và bà N1 đều ở xã T2, huyện T3 tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã T2 cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 04- 02- 1991; là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng và các con chung đều có hộ khẩu tại xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình. Tháng 12- 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 01- 2019 thì mâu thuẫn trầm trọng. Hiện nay, vợ chồng không sống chung với nhau, không còn thương yêu nhau, không quan tâm chăm sóc nhau nữa. Do hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông U1 và bà N1 đã thuận tình ly hôn, cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận. Xét việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông U1 và bà N1.

[2]. Về con chung: Ông U1 và bà N1 đều xác định: Vợ chồng có hai con chung là Đỗ Xuân B1, sinh ngày 09- 01- 1992; Đỗ Xuân T4, sinh ngày 27- 08- 2007. Con chung Đỗ Xuân B1 đã thành niên nên ông bà đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông U1- bà N1 đã thỏa thuận : Bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Xuân T4. Ông U1 cấp dưỡng nuôi con một lần 35.000.000đồng; ông U1 và bà N1 đã thanh toán xong với nhau. Cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình công nhận thỏa thuận này.

[3]. Về tài sản chung: Ông U1- bà N1 đã thỏa thuận:

+Bà N1 được quyền sử dụng các thửa đất số 66 và thửa đất số 67 đều thuộc tờ bản đồ số 14 tại thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình; đo đạc theo dự án: Đo đạc bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lập hồ sơ địa chính ngày 05- 04- 2017 xã T2; đơn vị thi công: Trung tâm Kỹ thuật địa chính- Sở Tài nguyên và Môi trường Thái Bình; tên người sử dụng đất: Hộ ông bà Đỗ Văn U1, Lê Thị N1.

+ Bà N1 được quyền sở hữu 01 ngôi nhà mái ngói 04 gian; 01 ngôi nhà mái bằng và các tài sản trên thửa đất số 67 nêu trên.

- Bà N1 thanh toán cho ông U1 số tiền 80.000.000đồng (Tám mươi triệu đồng). Bà N1 đã thanh toán xong cho ông U1.

-Nội dung thỏa thuận về tài sản chung của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba. Cần áp dụng Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân gia đình công nhận thỏa thuận này.

[4]. Về án phí: Ông U1- bà N1 đã thỏa thuận: Ông U1 nộp toàn bộ lệ phí ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1). Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Đỗ Văn U1 và bà Lê Thị N1.

-Về con chung: + Vợ chồng ông U1- bà N1 có hai con chung là Đỗ Xuân B1, sinh ngày 09- 01- 1992; Đỗ Xuân T4, sinh ngày 27- 08- 2007.

+Ông U1, bà N1 đều không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung Đỗ Xuân B1 đã thành niên.

+Bà N1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Xuân T4. Ông U1 cấp dưỡng nuôi con một lần 35.000.000đồng (Ba mươi lăm triệu đồng). Ông U1 và bà N1 đã thanh toán xong với nhau.

+ Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

-Về tài sản chung:

+ Bà N1 được quyền sử dụng các thửa đất số 66 và thửa đất số 67 đều thuộc tờ bản đồ số 14 tại thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình; Dự án: Đo đạc bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lập hồ sơ địa chính ngày 05- 04- 2017 xã T2; đơn vị thi công: Trung tâm Kỹ thuật địa chính- Sở Tài nguyên và Môi trường Thái Bình; tên người sử dụng đất: Hộ ông bà Đỗ Văn U1, bà Lê Thị N1.

+ Bà N1 được quyền sở hữu 01 ngôi nhà mái ngói 04 gian; 01 ngôi nhà mái bằng và các tài sản trên thửa đất số 67 nêu trên.

+ Đặc điểm thửa đất số 66: Diện tích 154,3m², đất nuôi trồng thủy sản; có số đo các chiều như sau:

* Phía Bắc gồm 2 đoạn: Đoạn giáp thửa đất số 32 (hộ ông Nguyễn Văn D1, bà Nguyễn Thị M1) dài 14,9m; đoạn giáp thửa đất số 34 (hộ ông Lê Thanh X1, bà Trần Thị T5) dài 5,1m;

*Phía Nam dài 20,17m giáp thửa đất số 67.

*Phía Đông dài 6,61m giáp thửa đất số 31 (hộ ông Hà Ngọc A1, bà Lê Thị N2).

*Phía Tây gồm 03 đoạn gấp khúc: Đoạn giáp thửa đất số 34 (hộ ông Lê Thanh X1, bà Trần Thị T5) dài 5,66m; Hai đoạn giáp đường giao thông có chiều dài lần lượt là 3,4m; 2,15 m.

+ Đặc điểm thửa đất số 67: Diện tích 442,3m² gồm 300m² đất ở nông thôn; 142,3m² đất trồng cây lâu năm; có số đo các chiều như sau:

*Phía Bắc dài 20,17m giáp thửa đất số 66;

*Phía Nam gồm 03 đoạn gấp khúc: Hai đoạn giáp thửa đất số 76 (hộ ông Đỗ Văn T6, bà Nguyễn Thị T7) có chiều dài lần lượt là 11,46m; 1,19m; Đoạn giáp thửa đất số 75 (hộ ông Đỗ Văn N2, bà Lê Thị N3) dài 10,86m;

*Phía Đông gồm 04 đoạn gấp khúc: Hai đoạn giáp thửa đất số 74 (hộ ông Đỗ Văn R1) có chiều dài lần lượt là 7,48m; 0,37m; Đoạn giáp thửa đất số 68 (hộ ông Lê Văn H1, bà Vũ Thị T8) dài 12m; Đoạn giáp thửa đất số 31 (hộ ông Hà Ngọc A1, bà Lê Thị N2) dài 3,23m.

*Phía Tây gồm 04 đoạn gấp khúc: Hai đoạn giáp đường giao thông có chiều dài lần lượt là 11,08m; 1,8m; Đoạn giáp thửa đất số 65 (hộ ông Đỗ Văn H2, bà Bùi Thị L1) dài 3,48m; Phần đất giáp thửa đất số 77 (hộ bà T9) dài 4,05m.

(Kèm theo là “Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất” ngày 05- 04- 2017, thửa đất số 66, số 67, tờ bản đồ số 14 thuộc thôn T1, xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình; đo đạc theo dự án: đo đạc bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lập hồ sơ địa chính xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình; do Trung tâm Kỹ thuật địa chính- Sở Tài nguyên và Môi trường Thái Bình thi công; tên người sử dụng đất: Hộ ông bà Đỗ Văn U1, Lê Thị N1).

+ Bà N1 thanh toán cho ông U1 số tiền 80.000.000đồng (Tám mươi triệu đồng). Bà N1 đã thanh toán xong cho ông U1.

2.Về lệ phí Tòa án: Ông U1 nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số số 0001940 ngày 29- 08 - 2019 của Chi cục Thi hành án

huyện T3, tỉnh Thái Bình. Ông U1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã T2, huyện T3, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Văn Tòng

1). Đặc điểm thửa đất số 66: Diện tích $154,3\text{m}^2$, là đất nuôi trồng thủy sản. Phía Bắc gồm 2 đoạn, phần đất giáp thửa đất số 32 (hộ ông Dương, bà Mừng) dài 14,9m; phần đất giáp thửa đất số 34 (hộ ông Xuân, bà Thắm) dài 5,1m;

-Phía Nam dài 20,17 giáp thửa đất số 67.

-Phía Đông dài 6,61m giáp thửa đất số 31, hộ ông Anh, bà Nga.

-Phía Tây gồm 03 đoạn gấp khúc: Phần đất giáp thửa đất số 34 (hộ ông Xuân, bà Thắm) dài 5,66m; Phần đất giáp đường giao thông có chiều dài lần lượt là 3,4m, 2,15 m.

2). Thửa đất số 67 có diện tích $442,3\text{m}^2$ gồm 300m^2 đất ở nông thôn; $142,3\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm, có đặc điểm như sau:

-Phía Bắc dài 20,17 giáp thửa đất số 66;

-Phía Nam gồm 03 đoạn gấp khúc: Phần đất giáp thửa đất số 76 (hộ ông Thát, bà Thời) có chiều dài lần lượt là 11,46m; 1,19m; Phần đất giáp thửa đất số 75 (hộ ông Nam, bà Nghĩa) dài 10,86m;

-Phía Đông gồm 04 đoạn gấp khúc: Phần đất giáp thửa đất số 74 (hộ ông Riên) có chiều dài lần lượt là 7,48m; 0,37m; Phần đất giáp thửa đất số 68 (hộ ông Hợp, bà Thoa) dài 12m; Phần đất giáp thửa đất số 31 (hộ ông Anh, bà Nga) dài 3,23m.

-Phía Tây gồm 04 đoạn gấp khúc: Phần đất giáp đường giao thông có chiều dài lần lượt là 11,08m; 1,8m; Phần đất giáp thửa đất số 65 (hộ ông Hạ, bà Lanh) dài 3,48m; Phần đất giáp thửa đất số 77 (hộ bà Tầu) dài 4,05m.

3). Các thông tin khác về thửa đất số 66 và thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14 thôn Thanh Do, xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình đã được ghi trong “*Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất*” ngày 05- 04- 2017, thửa đất số 66, số 67, tờ bản đồ số 14 thuộc thôn Thanh Do, xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; đo đạc theo dự án: đo đạc bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lập hồ sơ địa chính xã Thụy Thanh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình do Trung tâm Kỹ thuật địa chính- Sở Tài nguyên và Môi trường Thái Bình là đơn vị thi công; tên người sử dụng đất: Hộ ông bà Đỗ Văn Uyên, Lê Thị Nga.